



shāng hài

伤害

Verb · to injure

Example Sentences

bú yào shāng hài xiǎo dòng wù

不要伤害小动物。

Don't harm small animals.

tā shuō de huà shāng hài le wǒ de gǎn qíng

他说的话伤害了我的感情。

What he said hurt my feelings.

cháng qī áo yè nán dào bú huì shāng hài nǐ de shēn tǐ jiàn kāng ma

长期熬夜难道不会伤害你的身体健康吗？

Won't staying up late for a long time harm your physical health?

Trace each character, then write the word on your own.

伤	伤	伤	伤	伤	伤	伤	伤	伤		
害	害	害	害	害	害	害	害	害	害	害
害	害									